

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 06-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và ông Đào Xuân Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Bá - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 23/02/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Xuân Th** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 12 tháng 02 năm 1995 tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 3B, xã TTh, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà: Lê Thị Th1; có vợ: Nguyễn Thị Th2 và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ mới sinh; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 29/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Trần Đức Ch, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Xóm 9, xã DX, huyện D, Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Hoàng Thị Ph.

Nơi cư trú: Xóm 9, xã DX, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Thanh H.

Nơi cư trú: Xóm 10, xã DX, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

Nguyễn Công H1, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm 5, xã XTh, huyện Y, Nghệ An. Vắng mặt.
Thái Duy T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Xóm 5, xã XTh, huyện Y, Nghệ An. Vắng mặt.
Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Xóm 3B, xã TTh, huyện Y, Nghệ An. Vắng mặt.
Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Xóm 18C, xã NL, huyện Ngh, Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Trần Văn T1, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Anh Đặng Thái M, sinh năm 1993. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 23 giờ, ngày 15/9/2017, Lê Xuân Th ngồi cùng Nguyễn Công H, Thái Duy T, Nguyễn Duy Tr tại quán Karaoke HS (xã LTh, huyện Y), cả bốn người rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi H mang theo mang theo 01 chiếc kim cắt sắt dài khoảng 1m, 01 tuốc nơ vít, 01 kềm. Th điều khiển xe máy Sirius màu đỏ đen của H, T và Tr đi xe máy Sirius màu vàng biển kiểm soát 37B2-400.01 của T, theo đường 538 từ huyện Y xuống huyện D. Đi qua nhà anh Trần Đức Ch (xóm 9, xã DX), H phát hiện trong sân có 02 chiếc xe máy (01 xe Sirius màu đen bạc biển kiểm soát 37P1-4633 và 01 xe SH125I màu mận quân biển kiểm soát 37F1-786.71). Cả bốn người dừng xe. Th và Tr cảnh giới. H và T dùng kim cắt sắt phá khóa cửa, H dắt xe máy SH, T dắt xe máy Sirius, đưa xe SH về gửi tại nhà xe Bệnh viện Đa khoa huyện Y, xe Sirius gửi ở quán Karaoke HS. Ngày 29/9/2017 Lê Xuân Th đến công an huyện Th, tỉnh Nghệ An xin tự thú.

Cùng ngày, Công an huyện Th tiến hành thu giữ chiếc xe máy SH biển kiểm soát 37F1-786.71 và xe Sirius màu đen, bạc, số khung 239815, số máy 239814.

Tại phiên tòa, bị cáo Th khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, khoảng 0 giờ, ngày 16/9/2017, Lê Xuân Th đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 chiếc xe máy của anh Trần Đức Ch có giá trị 63.000.000đồng (sáu mươi ba triệu đồng).

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Thủ tục định giá: Ngày 02/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D Tiến hành trưng cầu định giá tài sản. Tại biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện D, xác định giá trị: 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH124i, biển kiểm soát 37F1-786.71 màu đỏ mận quân: 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng); 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 37P1-4633 màu đen bạc: 13.000.000đồng (mười ba triệu đồng).

Vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành trả: xe máy SH biển kiểm soát 37F1-786.71, xe máy Sirius biển kiểm soát 37P1-4633 cho anh Ch.

Xe máy Sirius mang biển kiểm soát 37B2-66.362 là tài sản của chị Nguyễn Thị Thúy L cho Th thuê sử dụng. Chị L không biết Th sử dụng vào mục đích gì, nên cơ quan Điều tra Công an huyện D đã trả lại cho chị L. Chị L không có yêu cầu gì.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Ch đã nhận lại tài sản, yêu cầu bị cáo bồi thường tiền sửa chữa xe máy 9.130.000đồng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên. Bị cáo cũng không có ý kiến gì.

- Bản cáo trạng số 17/VKS-HS ngày 07/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu truy tố bị cáo Lê Xuân Th, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1, Điều 46; điểm g (tái phạm) khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Xuân Th từ 30-36 tháng tù. Dân sự: Áp dụng: khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh Ch số tiền sửa chữa tài sản 9.130.000đồng.

Bị cáo không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt, làm lại cuộc đời.

Bị hại Trần Đức Ch trình bày: 02 chiếc xe anh để trong sân nhà, xe SH là của vợ anh Hoàng Thị Ph, xe Sirius là xe anh mượn của anh Nguyễn Thanh H. Chị Ph, anh H ủy quyền cho anh nhận lại xe. Hiện nay, anh đã nhận lại xe, tuy nhiên xe SH bị hư ổ khóa, hệ thống điện, anh đã đi sửa ở Honda Văn Minh, do đó anh yêu cầu bồi thường tiền sửa chữa xe máy 9.130.000đồng và không tranh luận gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có yêu cầu bồi thường dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Th khai nhận: vào khoảng 23 giờ, ngày không nhớ cụ thể bị cáo đã thực hiện hành vi lấy 02 chiếc xe máy (01 xe SH, 01 xe Sirius) tại sân nhà anh Trần Đức Ch xóm 9, xã DX, huyện D, tỉnh Nghệ An. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là làm ảnh hưởng, xâm phạm đến việc thực hiện quyền sở hữu của họ. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 63.000.000đồng, như vậy bị cáo phạm tội thuộc quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999,

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng, gây ra tâm lý, lo lắng trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: bị cáo có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngày 29/9/2017 đến Cơ quan Công an huyện Th tự thú về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích, không lấy đó làm bài học răn đe bản thân mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên áp dụng tình tiết tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng .

[5] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đánh giá về vật chứng, xử lý vật chứng: 01 xe máy Sirius của anh Nguyễn Thanh H, 01 xe SH của chị Hoàng Thị Ph. Anh H, chị Ph ủy quyền cho anh Ch nhận lại tài sản, do đó 02 chiếc xe đã được trả lại cho anh Trần Đức Ch. Xe máy chị L đã trả lại cho chị L. Là đúng quy định pháp luật.

[7] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Đức Ch đã nhận lại tài sản, yêu cầu bồi thường tiền sửa chữa xe máy gồm các khoản ổ khóa, IC, yếm trái, làm lại bộ dây điện, thay phụ tùng, tổng cộng 9.130.000đồng. Xét chiếc xe SH của anh Ch bị hư hỏng là do bị cáo, yêu cầu của anh Ch là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường tiền sửa chữa xe máy cho anh Ch, nên cần áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh Ch số tiền 9.130.000đồng.

[8] Đánh giá về những vấn đề khác: Bị cáo khai nhận cùng thực hiện hành vi trộm cắp hai chiếc xe máy còn có Nguyễn Công H, Thái Duy T, Nguyễn Duy Tr. Hiện nay, những người này không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra đang tiến hành làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau. Do đó, cần buộc bị cáo bồi thường cho anh Ch, khi cơ quan điều tra làm rõ được vị trí, vai trò của Nguyễn Công H, Thái Duy T, Nguyễn Duy Tr, bị cáo có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Ph, anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Thúy L không có yêu cầu gì.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, tuyên bố bị cáo Lê Xuân Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g (tái phạm) khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Xuân Th 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 29/9/2017).

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lê Xuân Th có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Đức Ch số tiền 9.130.000đồng (chín triệu, một trăm ba

mười ngàn đồng). Bị cáo phải thi hành một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Lê Xuân Th phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 456.000đồng (bốn trăm, năm mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D;
- CCTHA Dân sự huyện D;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

(Đã ký)

Nguyễn Quang Trung